

Số: 09 /2011/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 24 tháng 3 năm 2011

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ T.T.HUẾ	
ĐẾN	Số: ..340.....
	Ngày: ..25/3.....
	Chuyển:

QUYẾT ĐỊNH

Về việc đặt tên đường tại thành phố Huế đợt 6

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Văn hoá Thông tin (nay là Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch) hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng (ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ);

Căn cứ Nghị quyết số 16a/NQ-HĐND ngày 17 tháng 3 năm 2011 của Hội đồng nhân tỉnh về việc đặt tên đường ở thành phố Huế đợt 6;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Huế và Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công bố đặt tên 68 (sáu mươi tám) đường tại thành phố Huế đợt 6 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Huế có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng triển khai đồng bộ các thủ tục liên quan đến công tác quản lý hành chính, quản lý đô thị đối với các tuyến đường được đặt tên ghi tại Điều 1 theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

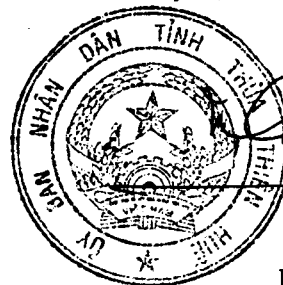
Điều 4. Chánh Văn phòng ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Huế, Giám đốc Công an tỉnh, Giám đốc các sở: Giao thông Vận tải, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Xây dựng, Tư pháp, Thủ trưởng các cơ quan liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường nơi có đường được đặt tên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT và PCT UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Ban VHXXH - HĐND tỉnh;
- VP: PCVP và các CV;
- Lưu: VT, VH.

(Chữ ký)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH



PHÓ CHỦ TỊCH
Ngô Hòa





Phụ lục

DANH SÁCH ĐẶT TÊN ĐƯỜNG TẠI THÀNH PHỐ HUẾ (ĐỢT VI)

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **09/2011/QĐ-UBND** ngày **24** tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Stt	Tên đường cũ	Điểm đầu	Điểm cuối	Vị trí	Dài (m)	Rộng (m)		Loại mặt đường	Đặt tên đường
						Nền	Mặt đường		
I Khu quy hoạch Kiểm Huệ									
01	Đường quy hoạch số 1 (vuông góc đường Tô Hữu)	Tô Hữu	Tổ 6 khu vực 3 phường An Đông	P. Xuân Phú, P. An Đông	300	28	16	Bê tông (BT) nhựa	Lê Quang Đạo
02	Đường quy hoạch số 2 bên phải Trung tâm Hành chính thành phố (song song đường Tô Hữu)	Nguyễn Hữu Thọ	Tổ 6 khu vực 3 phường An Đông	P. Xuân Phú, P. An Đông	280	11	5	BT nhựa và xi măng	Phùng Chí Kiên
03	Đường quy hoạch số 3 bên phải Trung tâm Hành chính thành phố (song song đường Tô Hữu)	Nguyễn Hữu Thọ	đường quy hoạch số 2	P. Xuân Phú, P. An Đông	250	11	5	BT nhựa và xi măng	Trần Anh Liên
04	Đường quy hoạch số 4 bên phải Trung tâm hành chính thành phố (song song Tô Hữu)	Đường quy hoạch số 1	Đường công viên	P. An Đông	150	11	5	BT nhựa	Lê Hồng Sơn
05	Đường công viên gần cầu Phát Lác (vuông góc đường Tô Hữu)	Tô Hữu	Tổ 6 khu vực 3 phường An Đông	P. An Đông	300	14,5	7,5	BT nhựa	Trần Hữu Dực

06	Đường quy hoạch sau Trung tâm thể thao tỉnh	Tổ Hữu	Đường quy hoạch	P. Xuân Phú	300	14	7	BT nhựa	Đặng Thùy Trâm
II	Khu quy hoạch Nam Vỹ Dạ								
07	Đường số 5 (song song với đường Phạm Văn Đồng)	Cao Xuân Dục	Lâm Hoàng	P. Vỹ Dạ	400	14	7	BT nhựa	Hà Huy Giáp
08	Đường số 6 (song song với đường Phạm Văn Đồng)	Cao Xuân Dục	Lâm Hoàng	P. Vỹ Dạ	400	14	7	BT nhựa	Nguyễn Sinh Khiêm
09	Đường số 7 (song song với đường Phạm Văn Đồng)	Cao Xuân Dục-Nguyễn Sinh Sắc	Lâm Hoàng	P. Vỹ Dạ	400	14	7	BT nhựa	Hoàng Thông
10	Đường số 8 (vuông góc với đường Phạm Văn Đồng)	Phạm Văn Đồng	Đường số 6	P. Vỹ Dạ	300	14	7	BT nhựa	Việt Bắc
11	Đường số 9 (Cạnh vườn hoa)	Nguyễn Sinh Sắc	Cao Xuân Dục	P. Vỹ Dạ	100	14	7	BT nhựa	Nguyễn Quý Anh
12	Đường số 10 (vuông góc với đường số 7)	Đường số 7	Cao Xuân Dục	P. Vỹ Dạ	120	14	7	BT nhựa	Nguyễn An Ninh
13	Đường số 11 (song song với đường số 7)	Đường số 10	Đường số 7	P. Vỹ Dạ	100	14	7	BT nhựa	Dục Thanh
14	Đường số 12	Phạm Văn Đồng	Trương Gia Mô	P. Vỹ Dạ	120	14	7	BT nhựa	Pác Bó
15	Đường quy hoạch Vỹ Dạ	Lưu Hữu Phước	Nguyễn Sinh Sắc	P. Vỹ Dạ	150	14	7	BT nhựa	Đào Trinh Nhất

16	Đường quy hoạch Vỹ Dạ 7	Xuân Thủy	Lô B khu QH	P. Vỹ Dạ	120	10,5	5,5	BT nhựa	Nguyễn Phan Chánh
17	Đường quy hoạch Vỹ Dạ 7	Xuân Thủy	Lô A khu QH	P. Vỹ Dạ	120	10,5	5,5	BT nhựa	Hồng Thiết
18	Đường liên tổ 6,7,9	Lâm Hoàng	Khu quy hoạch Tùng Thiện Vương	P. Vỹ Dạ	600	6 - 14	4 - 7	BT xi măng và BT nhựa	Nguyễn Khoa Vy
III	Khu định cư (KĐC) phường An Đông								
19	Đường số 7 khu đô thị mới An Cựu	Hoàng Quốc Việt	Cuối khu định cư	P. An Đông	400	26	14	BT nhựa	Nguyễn Duy Trinh
20	Đường số 1 KĐC	Hoàng Quốc Việt	đường QH	P. An Đông	300	14	7	BÊT nhựa	Hồng Chương
21	Đường số 2 KĐC	Đường số 13	đường số 14	P. An Đông	400	14	7	BT nhựa	Phan Anh
IV	Khu vực Phú Cát								
22	Đường bờ sông Hương	Chi Lăng	Nguyễn Bình Khiêm	P. Phú Cát	600	11,5	7,5	BT nhựa	Trịnh Công Sơn
V	Khu quy hoạch (KQH) An Hòa - Hương Sơ								
23	Đường ở KQH Bắc Hương Sơ giai đoạn 3 (vuông góc đường Nguyễn Văn Linh)	Nguyễn Văn Linh	KQH	P. Hương Sơ, P. An Hòa	200	14,5	7,5	BT nhựa	Tân Sở
24	Đường KQH Bắc Hương sơ (song song đường Nguyễn Văn Linh)	Lô T30 giai đoạn 1 mở rộng	Lô B19 giai đoạn 1	P. An Hòa	370	11	5	Nhựa	Tôn Thất Đàm
25	Đường KQH Bắc Hương sơ (song song đường Nguyễn Lâm)	Lô T7	Lô T56	P. An Hòa	200	11	5	BT nhựa	Nguyễn Phạm Tuấn

26	Đường cấp hói Hàng Tổng	Đặng Tất	Nguyễn Văn Linh	P. An Hòa	900	7	3-4	BT xi măng	Trần Quý Khoáng
27	Đường vào nhà thờ giáo xứ Đốc Sơ	Đường Đặng Tất (ngã 3 An Hòa)	Đường thôn Đốc Sơ (cũ)	P. An Hòa	500	6	3-4	BT xi măng	Mai Lão Bạng
28	Đường số 1 KQH Eo bầu Thuận Thành (vuông góc đường Nguyễn Văn Linh)	Nguyễn Văn Linh	KĐC	P. Hương Sơ	300	16,5	10,5	BT nhựa	Hoa Lư
29	Đường số 2 KQH Eo bầu Thuận Thành (song song đường Nguyễn Văn Linh)	Đường quy hoạch	Mương thoát lũ	P. Hương Sơ	250	10,5	5,5	Nhựa	Phan Cảnh Kế
30	Đường số 3 KQH Eo bầu Thuận Thành (song song đường Nguyễn Văn Linh)	Đường quy hoạch	Mương thoát lũ	P. Hương Sơ	200	10,5	5,5	Nhựa	Nguyễn Đóa
VI	KQH Kim Long								
31	Đường số 1 KQH giai đoạn 4	Vạn Xuân	Nguyễn Phúc Thái	P. Kim Long	300	13,5	7,5	BT nhựa	Lê Tự Nhiên
32	Đường số 2 KQH giai đoạn 4	Đường số 1	Đường số 4	P. Kim Long	400	11,5	5,5	Nhựa	Bửu Đình
33	Đường số 3 KQH giai đoạn 4	Nguyễn Phúc Lan	Đường số 4	P. Kim Long	300	13,5	7,5	Nhựa	Mai Khắc Đôn
34	Đường số 2 KQH giai đoạn 3	Nguyễn Phúc Lan	Đường số 3 KQH	P. Kim Long	500	11	5,5	Nhựa	Hà Khê
VII	Khu vực Hương Long								
35	Đường liên tổ (thôn Xuân Hòa cũ)	Nguyễn Phúc Nguyên	Kiệt 24 Nguyễn Phúc Chu	P. Hương Long	400	6	3,5 - 4	BT xi măng	Phan Trọng Tịnh

36	Đường liên tổ (thôn Xuân Hòa cũ)	Nguyễn Phúc Nguyên	Nguyễn Phúc Chu	P. Hương Long	400	6	3,5	BT xi măng	Bà Phan Đình Chi
37	Đường liên tổ (thôn Xuân Hòa cũ)	Nguyễn Phúc Nguyên	Sư Vạn Hạnh	P. Hương Long	800	6	3,5	BT xi măng	Lê Quang Quyền
38	Đường nằm cạnh sông Bạch Yến	Nghĩa trang liệt sĩ P. Hương Long và đường Lý Nam Đế	Đường Lý Nam Đế	P. Hương Long	700	6	3,5	BT xi măng	Nguyễn Phúc Thụ
39	Đường đến cầu chợ Thông	Lý Nam Đế	Nguyễn Phúc Chu	P. Hương Long	700	6	3,5	BT xi măng	Phạm Tu
VIII	KQH Côn Bằng và Trường An								
40	Đường số 1 KQH Côn Bằng	Điện Biên Phủ	Ngã ba thôn Hạ 1	P. Trường An và P. Thủy Xuân	600	11,5	5,5	BT nhựa	Thích Tịnh Khiết
41	Đường số 2 KQH Côn Bằng	Điện Biên Phủ	Đường số 1	P. Trường An	300	11,5	5,5	BT xi măng và nhựa	Lê Đình Thám
42	Đường QH số 3 (vuông góc đường số 1)	Đường số 1	Đường QH (giáp tổ 6)	P. Trường An	400	14	7	BT nhựa	Thích Nữ Diệu Không
43	Đường QH số 4	Đường số 3	Đường số 2	P. Trường An	150	10	5	BT nhựa	Dương Xuân
44	Đường QH số 5	Đường số 3	Đường số 1	P. Trường An	300	10	5	BT nhựa	Tây Sơn
45	Đường số 1 KQH Trường An	Phan Bội Châu	Võ Liêm Sơn	P. Trường An	200	13,5	7,5	BT nhựa	Trần Hoàn
46	Đường số 2 KQH Trường An	Đường số 1 KQH	Đặng Huy Trứ	P. Trường An	300	13,5	5-7,5	BT nhựa	Cao Đình Độ

47	Đường đèn đôi Quảng Tế	Điện Biên Phủ	Trần Thái Tông	P. Trường An, P. Thủy Xuân	1200	6-9	3,5-4	BT nhựa và BT xi măng	Quảng Tế
IX	KQH Bãi Dâu								
48	Đường QH	Nguyễn Hàm Ninh	Hoàng Văn Lịch	P. Phú Hậu	300	14	7	Nhựa	Trịnh Hoài Đức
49	Đường QH	Nguyễn Hàm Ninh	Hoàng Văn Lịch	P. Phú Hậu	300	14	7	Nhựa	Nguyễn Đình Tân
50	Đường QH	Nguyễn Hàm Ninh	Hoàng Văn Lịch	P. Phú Hậu	300	14	7	Nhựa	Lý Văn Phúc
51	Đường số 1 QH khu Thị Sác	Ngô Kha	Khu dân cư cuối tổ 6	P. Phú Hậu	200	10	5	Nhựa	Bùi Dương Lịch
52	Đường số 2 QH khu Thị Sác	Ngô Kha	Khu dân cư cuối tổ 6	P. Phú Hậu	200	10	5	Nhựa	Đoàn Nguyễn Tuấn
53	Đường số 3 QH khu Thị Sác	Đường số 2	Mương thoát nước	P. Phú Hậu	250	10	5	Nhựa	Nguyễn Huy Lượng
X	Khu định cư Phú Hiệp								
54	Đường vào KĐC	Phùng Khắc Khoan	Cuối KĐC	P. Phú Hiệp	300	10	5	Nhựa	Trần Quang Long
XI	Khu vực Thủy Xuân								
55	Đường QH	Đường Hoài Thanh	Huyện Trần Công Chúa	P. Thủy Xuân	300	13,5	7,5	BT nhựa	Nguyễn Trung Ngạn
56	Đường liên tổ	Đường Hoài Thanh	Thôn Hạ 2 (cũ)	P. Thủy Xuân	2.200	10	5	Nhựa	Vũ Ngọc Phan
XII	Khu vực Thủy Biều								
57	Đường vào nhà máy Long Thọ	Bùi Thị Xuân (Đầu cầu Long Thọ)	Mỏ đá Long Thọ	P. Thủy Biều	650	7	5	BT xi măng	Long Thọ

58	Đường liên tổ	Bùi Thị Xuân	Ngã ba thôn TrungThượng	P. Thủy Biều	500	6	4	BT xi măng	Thanh Nghị
59	Đường liên tổ	Bùi Thị Xuân	Miếu cây sen	P. Thủy Biều	420	6	4	BT xi măng	Nguyệt Biều
60	Đường liên tổ	Bùi Thị Xuân	Trường Lương Quán	P. Thủy Biều	1050	6	4	BT xi măng	Thân Văn Nhiếp
61	Đường bãi Lương Quán	Bùi Thị Xuân	Ngã ba Lương Quán- TrungThượng	P. Thủy Biều	1002	6	4	BT xi măng	Lương Quán
62	Đường đập Trung Thượng	Ngô Hà	Ngã 3 đập TrungThượng	P. Thủy Biều	300	6	4	BT xi măng	Đặng Đức Tuấn
XIII	Khu tái định cư (KTĐC) Xóm Gióng - Xóm Hành								
63	Đường Xóm Gióng	An Dương Vương	Đường Tự Đức - Thủy Dương	P. An Tây	1.200	5	3	BT xi măng	Nguyễn Hữu Cảnh
64	Đường số 1 KTĐC Xóm Gióng	Xóm Gióng	Xóm Gióng	P. An Tây	170	6	3,5	Nhựa	Nguyễn Văn Khả
65	Đường số 2 KTĐC Xóm Gióng	Xóm Gióng	Cuối khu TĐC	P. An Tây	167	10,5	5,5	BT nhựa	Tôn Thất Bật
66	Đường số 1 KTĐC Xóm Hành	Đường Tam Thai	Cuối khu TĐC	P. An Tây	654,5	10,5	5,5	Nhựa	Lê Công Hành
67	Đường số 2 KTĐC Xóm Hành	Giáp khu đất khu dân cư	Cuối khu TĐC	P. An Tây	342,5	10,5	5,5	Nhựa	Trần Lư
68	Đường số 3 KTĐC Xóm Hành	Đường Tự Đức - Thủy Dương	Cuối khu TĐC	P. An Tây	169	14	7	Nhựa	Nguyễn Hữu Thận

Tổng cộng: 68 đường